

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4888 /QĐ-UBND

An Nhơn, ngày 19 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
quý II năm 2019 của thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của Hội đồng nhân dân thị xã An Nhơn về dự toán ngân sách thị xã năm 2019
Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2019 của thị xã An Nhơn (theo các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /*ty*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh BD,
- Sở Tài chính,
- Văn phòng Thị ủy;
- VP HĐND&UBND thị xã.
- Viên kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã,
- UBND các xã, phường
- Lưu VT. *ty*

CHỦ TỊCH



Đang Vinh Sơn
Đang Vinh Sơn

ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ II NĂM 2019
 (Kê khai theo Biểu số 488/QĐ-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2019 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	943.756	769.081	81,5	260,2
I	Thu cân đối NSNN	675.400	445.715	66,0	307,9
1	Thu nội địa	675.400	445.715	66,0	307,9
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		238.279		358,2
III	Thu bổ sung mục tiêu	268.356	85.087	31,7	62,9
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	941.316	547.282	58,1	128,3
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	897.231	517.488	57,7	124,8
1	Chi đầu tư phát triển	438.990	305.482	69,6	678,3
2	Chi thường xuyên	434.555	206.497	47,5	10,0
3	Dự phòng ngân sách	17.976	605	3,4	
4	Chi cấp bù thủy lợi phí	5.710	4.904	85,9	54,9
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cho NS xã, phường	44.085	29.794	67,6	212,2

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2019
 (Kèm theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của UBND thị xã)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	675.400	445.715	66,0	100,7
I	Thu nội địa	675.400	445.715	66,0	119,6
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	164 500	66 356	40,3	22,5
4	Thuế thu nhập cá nhân	14 000	6 594	47,1	1,0
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	22 300	15 734	70,6	69,3
7	Thu phí, lệ phí	12 500	6 092	48,7	- 10,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	428 100	337 185	78,8	200,8
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1 100	1 000	90,9	66,8
-	Thu tiền sử dụng đất	411 000	319 045	77,6	191,3
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	16 000	17 140	107,1	159,4
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			
10	Thu khác ngân sách	14 000	3 800	27,1	- 17,5
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	9 000	6 798	75,5	21,2
12	Thu HĐ ĐG từ các khai thác đá cát	1 000		-	
13	Thu đóng góp XDCS hạ tầng	1 000	489	48,9	- 41,0
14	Thu về quản lý, SD đất trồng lúa	5 000	2 667	53,3	- 12,4
15	Nguồn dự toán năm trước chuyển sang	4 000	-	-	
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	672.960	445.457	66,2	122,8
1	Từ các khoản thu phân chia	110 860	68 806	62,1	27,5
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	562 100	376 651	67,0	158,0
C	Thu chuyển nguồn		238.279		286,5

PHỤ LỤC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ II NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 337 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	941.316	547.282	58,1	320,1
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	897 231	517.488	57,7	83,0
I	Chi đầu tư phát triển	438.990	305.482	69,6	221,8
1	Chi đầu tư cho các dự án	438 990	305 482	69,6	221,8
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	-
II	Chi thường xuyên	434.555	206.497	47,5	10,0
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giao dục - đào tạo và dạy nghề	223 547	105 680	47,3	10,6
2	Chi khoa học và công nghệ	1 320	643	48,7	414,4
3	Chi y tế, dân số và gia đình	-	273	-	-
4	Chi văn hóa thông tin	2 130	1 152	54,1	0,6
5	Chi phát thanh, truyền hình	2 002	977	48,8	71,1
6	Chi thể dục thể thao	976	483	49,5	19,9
7	Chi bảo vệ môi trường	4 990	50	1,0	- 92,3
8	Chi hoạt động kinh tế	27 898	11 899	42,7	- 10,2
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	31 269	44 658	142,8	10,4
10	Chi bảo đảm xã hội	41 049	30 113	73,4	13,7
III	Dự phòng ngân sách	17.976	605	3,4	116,8
IV	Chi cấp bù thuy lợi phí	5.710	4.904	85,9	54,9
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	44.085	29.794	67,6	430,9
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	44 085	29 794	67,6	430,9